

**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Quý I năm 2017**

Hà Nội - Tháng 04 năm 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

MẪU B 01-DN/HN

Ngày 31 tháng 3 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2017	01/01/2017
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2.136.053.082.251</b>	<b>2.349.920.861.161</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>613.271.908.710</b>	<b>610.572.592.544</b>
1. Tiền	111		267.115.873.746	156.572.592.544
2. Các khoản tương đương tiền	112		346.156.034.964	454.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>668.864.398.005</b>	<b>30.262.808.598</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. DP giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		668.864.398.005	30.262.808.598
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>394.921.064.223</b>	<b>1.618.550.926.350</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	<b>V.3</b>	136.352.509.401	183.108.613.547
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	<b>V.3</b>	85.565.344.374	1.304.717.818.899
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		2.300.000.000	
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	<b>V.4</b>	174.613.622.598	132.592.413.463
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(3.910.412.150)	(1.867.919.559)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.5</b>	<b>436.551.829.629</b>	<b>74.362.069.031</b>
1. Hàng tồn kho	141		437.757.272.271	74.362.069.031
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(1.205.442.642)	
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>22.443.881.684</b>	<b>16.172.464.638</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	<b>V.6</b>	2.827.523.930	831.165.497
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		17.287.125.485	15.309.459.336
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		2.329.232.269	31.839.805
4. Tài sản ngắn hạn khác	155			
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.929.650.304.455</b>	<b>856.429.365.176</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>16.929.781.846</b>	<b>39.962.176.006</b>
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211	<b>V.3</b>	4.932.176.006	4.932.176.006
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		5.000.000.000	5.000.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	<b>V.4</b>	6.997.605.840	30.030.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>519.875.697.616</b>	<b>216.504.600.189</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>V.7</b>	491.177.700.428	216.082.922.789
- Nguyên giá	222		1.314.859.901.981	418.572.479.021
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(823.682.201.553)	(202.489.556.232)
2. Tài sản cố định vô hình	227	<b>V.8</b>	28.697.997.188	421.677.400
- Nguyên giá	228		29.513.115.581	1.215.469.126
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(815.118.393)	(793.791.726)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.911.688.951</b>	<b>23.775.717.720</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.911.688.951	23.775.717.720
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2</b>	<b>588.375.953.305</b>	<b>564.682.100.699</b>
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		340.774.181.463	273.549.997.408
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		257.226.278.951	291.132.103.291
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(9.624.507.109)	
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>802.557.182.737</b>	<b>11.504.770.562</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>V.6</b>	33.567.964.581	8.986.235.492
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		297.501.145	
4. Tài sản dài hạn khác	268			
5. Lợi thế thương mại	269		768.691.717.011	2.518.535.070
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>4.065.703.386.706</b>	<b>3.206.350.226.337</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 01-DN/HN**

Ngày 31 tháng 3 năm 2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2017	01/01/2017
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>504.777.212.910</b>	<b>385.323.456.776</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>482.896.471.736</b>	<b>279.134.593.217</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	160.583.058.560	81.343.559.891
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		32.630.426.968	25.672.797.787
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	23.459.065.844	17.404.627.086
4. Phải trả người lao động	314		40.472.538.615	9.098.381.541
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	9.076.050.422	3.328.994.006
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			17.090.909
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	81.044.577.348	90.749.684.242
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.9	75.470.342.694	51.154.895.489
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		8.207.504.999	
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		51.952.906.286	364.562.266
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>21.880.741.174</b>	<b>106.188.863.559</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.10		
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		6.403.365.655	6.467.409.967
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.13	3.324.840.000	51.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.9	5.119.074.609	97.369.074.609
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		6.860.069.910	2.127.987.983
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		173.391.000	173.391.000
<b>D. NGUỒN VỐN (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>3.560.926.173.796</b>	<b>2.821.026.769.561</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.14</b>	<b>3.556.426.573.796</b>	<b>2.816.527.169.561</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.500.000.000.000	2.500.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.500.000.000.000	2.500.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		245.042.505.974	245.042.505.974
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.161.893.361	1.197.575.779
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		247.675.864	247.673.549
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		25.820.123.692	21.223.506.267
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		16.910.049.855	94.087.256.962
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.910.073.837	(72.863.750.695)
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		783.154.374.904	48.815.907.992
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>4.499.600.000</b>	<b>4.499.600.000</b>
1. Nguồn kinh phí	431		4.499.600.000	4.499.600.000
2. Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	432			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)</b>	<b>440</b>		<b>4.065.703.386.706</b>	<b>3.206.350.226.337</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 01-DN/HN**

Ngày 31 tháng 3 năm 2017

Đơn vị tính: VND

<b>CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/03/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Tài sản nhận giữ hộ		-	-
3. Ngoại tệ các loại		-	-
USD		21.733,96	19.840,85
EUR		211,00	
4. Kim khí quý, đá quý			-
5. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-

Thành phố Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2017



**TẠ VĂN QUYỀN**  
Chủ tịch HĐQT

**HOÀNG MẠNH CƯỜNG**  
Kế toán trưởng

**NGUYỄN THỊ THU HUYỀN**  
Người lập biểu

**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Quý I năm 2017

Mẫu B 02-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu cung cấp hàng hóa và dịch vụ	01	VI.1	1.147.826.024.228	745.682.710.422	1.147.826.024.228	745.682.710.422
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		16.123.438.944	302.090	16.123.438.944	302.090
3. Doanh thu thuần từ hàng hóa và dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		1.131.702.585.284	745.682.408.332	1.131.702.585.284	745.682.408.332
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.006.523.192.232	726.030.967.244	1.006.523.192.232	726.030.967.244
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV (20 = 10 - 11)	20		125.179.393.052	19.651.441.088	125.179.393.052	19.651.441.088
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	59.283.948.533	3.200.589.473	59.283.948.533	3.200.589.473
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.4	23.348.446.276	1.774.750.847	23.348.446.276	1.774.750.847
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.531.269.222	809.509.233	1.531.269.222	809.509.233
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		1.784.519.033	5.485.882.259	1.784.519.033	5.485.882.259
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	65.351.070.241	3.102.243.478	65.351.070.241	3.102.243.478
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	41.403.807.379	13.852.114.879	41.403.807.379	13.852.114.879
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		56.144.536.722	9.608.803.616	56.144.536.722	9.608.803.616
12. Thu nhập khác	31	VI.6	5.895.304.593	2.712.736.716	5.895.304.593	2.712.736.716
13. Chi phí khác	32	VI.7	4.197.641.848	2.858.907.592	4.197.641.848	2.858.907.592
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.697.662.745	(146.170.876)	1.697.662.745	(146.170.876)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		57.842.199.467	9.462.632.740	57.842.199.467	9.462.632.740
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	4.276.103.461	5.920.531.510	4.276.103.461	5.920.531.510
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại						
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		53.566.096.006	3.542.101.230	53.566.096.006	3.542.101.230
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		18.303.683.839	3.812.941.789	18.303.683.839	3.812.941.789
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		35.262.412.167	(270.840.559)	35.262.412.167	(270.840.559)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	73,21	25,42	73,21	25,42

Thành phố Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2017



**TẠ VĂN QUYỀN**  
Chủ tịch HĐQT

**HOÀNG MẠNH CƯỜNG**  
Kế toán trưởng

**NGUYỄN THU HUYỀN**  
Người lập biểu

**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý I năm 2017

**MẪU B 03-DN/HN**

Đơn vị tính: VND

KHOẢN MỤC	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm 2017	Năm 2016
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	57.842.199.467	9.462.632.740
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	48.946.670.201	7.535.622.834
- Các khoản dự phòng	03	3.247.935.233	1.878.989.893
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá	04		
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(20.575.878.076)	(3.200.319.153)
- Chi phí lãi vay	06	267.325.575	809.509.233
- Các khoản điều chỉnh khác	07		
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	89.728.252.400	16.486.435.547
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	1.242.644.705.083	30.398.160.350
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(363.395.203.240)	8.065.991.400
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(226.445.740.011)	(293.979.215.387)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(26.578.087.522)	(131.884.694.246)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		
- Tiền lãi vay đã trả	14	(267.325.575)	(809.509.233)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(274.455.598)	(8.120.249.181)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	93.834.691.041
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(31.453.460.491)
Lưu chuyển tiền thuần từ H động kinh doanh	20	715.412.145.537	(317.461.850.200)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(9.124.694.959)	(207.804.300)
2. Tiền thu từ TL, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(630.235.607.087)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	(2.300.000.000)	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(65.439.665.022)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	33.905.824.340	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	28.415.866.152	7.806.374.701
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(644.778.276.576)	7.598.570.401
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		823.370.400.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền thu từ đi vay	33	99.865.355.805	85.014.460.702
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(167.799.908.600)	(610.555.943.476)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(67.934.552.795)	297.828.917.226
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	50	2.699.316.166	(12.034.362.573)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	610.572.592.544	416.449.029.291
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	613.271.908.710	404.414.666.718

Thành phố Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2017



**TÀ VĂN QUYỀN**  
Chủ tịch HĐQT

**HOÀNG MẠNH CƯỜNG**  
Kế toán trưởng

**NGUYỄN THỊ THU HUYỀN**  
Người lập biểu

## **CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

**MẪU B 09-DN/HN**

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2017 của Công ty Cổ phần GTNFOODS (gọi tắt là "Công ty").

#### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

##### **1. Công ty mẹ**

Công ty Cổ phần GTNFOODS được đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Thống Nhất, là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần lần đầu số 0105334948 ngày 30 tháng 5 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 14 số 0105334948 vào ngày 17 tháng 11 năm 2016. Vốn điều lệ: 2.500.000.000.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh chính:

Hoạt động chính của Công ty hiện nay là: Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng nhà các loại; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu; Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa, Sản xuất ống nhựa cứng, ống nhựa mềm, các sản phẩm khác từ plastic; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất sản phẩm chịu lửa; Đốt than hoa (gỗ, củi có nguồn gốc hợp pháp), ...

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội.

##### **2. Công ty con được hợp nhất**

###### **Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung**

- \* Địa chỉ: Lô 5 KCN Điện Nam-Điện Ngọc, xã Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam
- \* Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 31/03/2017: 90%
- \* Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 31/03/2017: 90%

###### **Công ty Cổ phần Tre Công nghiệp Mộc Châu**

- \* Địa chỉ: Cụm CN Bó Bun, Thị trấn NT Mộc Châu, H. Mộc Châu, Sơn La
- \* Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 31/03/2017: 96,37%
- \* Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 31/03/2017: 96,37%

###### **Công ty TNHH Hàng tiêu dùng GTNFOODS**

- \* Địa chỉ: 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- \* Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 31/03/2017: 100%
- \* Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 31/03/2017: 100%

###### **Tổng Công ty Chè Việt Nam -CTCP**

- \* Địa chỉ: 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- \* Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 31/03/2017: 95 %
- \* Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 31/03/2017: 95%

###### **Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam -CTCP**

- \* Địa chỉ: 519 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- \* Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 31/03/2017: 65 %
- \* Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 31/03/2017: 65%

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo*

## CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

#### 3. Công ty liên kết được hợp nhất

##### Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng

- \* Địa chỉ: Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
- \* Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 31/03/2017: 35%
- \* Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 31/03/2017: 35%

##### Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn

- \* Địa chỉ: Số 8 Hoàng Hoa Thám, Phường 7, Quận Bình Thạnh, Thành Phố Hồ Chí Minh
- \* Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 31/03/2017: 35%
- \* Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 31/03/2017: 35%

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG CHỦ YẾU

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định khác về kế toán hiện hành tại Việt Nam.

### 2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Chủ tịch HĐQT có những



## CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### 3. Công cụ tài chính

##### Ghi nhận ban đầu

##### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và ký quỹ ngắn hạn.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ ngắn hạn và phải trả người bán.

##### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

#### 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

#### 5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác.

#### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

#### 7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

## CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị văn phòng	3

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

#### 8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị phần mềm kế toán. Giá trị phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

#### 9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn thể hiện các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

#### 10. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện chi phí trang trí nội thất văn phòng làm việc, chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí trả trước dài hạn khác.

- Chi phí trang trí nội thất văn phòng làm việc được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 6 năm.
- Chi phí công cụ, dụng cụ và các chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

#### 11. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận còn lại tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán từ các hoạt động kinh doanh của Công ty.

#### 12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

##### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### Doanh thu cung cấp dịch vụ

## CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay

Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận khi tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoài trừ cổ tức ghi nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

### 13. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

### 14. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

### 15. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty trước khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

**16. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Đơn vị tính: VND

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>31/03/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Tiền mặt	7.644.099.520	2.266.361.426
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	144.515.466.736	154.306.231.118
Tiền đang chuyển	114.956.307.490	
Các khoản tương đương tiền (*)	<u>346.156.034.964</u>	<u>454.000.000.000</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>613.271.908.710</u></b>	<b><u>610.572.592.544</u></b>

(\*) Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các Ngân hàng. Ngoài ra công ty còn gửi tiết kiệm tại các Ngân hàng với thời hạn hơn 3 tháng là 668.864.398.005 đ. Như vậy các khoản tiền mặt và tiền gửi ngân hàng của công ty tại thời điểm 31/03/2017 là 1.282.136.306.715 đ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

**2. Các khoản đầu tư tài chính****2.1 Chứng khoán kinh doanh**

	31/03/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Tổng giá trị cổ phiếu						
Tổng giá trị trái phiếu						
Lý do thay đổi với từng khoản đầu tư/loại cổ phiếu, TP:						
+ Về số lượng						
+ Về giá trị						
<b>Cộng</b>						

**2.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/03/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Ngắn hạn (*)	668.864.398.005	668.864.398.005	-			-
Dài hạn	-	-	-			-
- Các khoản đầu tư khác	-	-	-			-
<b>Cộng</b>	<b>668.864.398.005</b>	<b>668.864.398.005</b>	<b>-</b>			<b>-</b>

(\*) Khoản tiền công ty gửi tiết kiệm tại các ngân hàng từ 3 tháng đến 1 năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

**2.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/03/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>(*) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>340.774.181.463</b>	<b>149.120.587.700</b>	-	<b>273.549.997.408</b>	<b>149.990.095.500</b>	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng	65.522.255.787	149.120.587.700	-	65.522.255.787	149.990.095.500	-
Công ty cổ phần chè Kim anh	3.024.375.848	-	-	3.024.375.848	-	-
Công ty chè Phú đa	143.044.800.000	-	-	143.044.800.000	-	-
Công ty cổ phần chè Trần Phú	3.242.731.000	-	-	3.242.731.000	-	-
Công ty CP Lâm Nghiệp Sài Gòn	41.422.300.000	-	-	41.422.300.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và XNK súc sản Gia cầm Hải Phòng	4.715.798.360	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Gà Giống Châu Thành	1.464.054.627	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Giống Gia Cầm Miền Nam	5.279.251.361	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Việt Phong	7.908.504.071	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Giống vật nuôi và Cây trồng Đồng Giao	2.702.158.692	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Giống gia súc Thanh Ninh	3.151.577.184	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Giống & Vật tư chăn nuôi Bắc Trung Bộ	657.617.197	-	-	-	-	-
Công ty CP Phát triển Giống gia súc Miền Trung	1.047.153.814	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần An Đại Việt	4.900.300.263	-	-	-	-	-
Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	6.486.816.643	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Giống gia cầm Lương Mỹ	15.028.658.986	-	-	-	-	-
Công ty CPTương mại dịch vụ phát triển Đông á	11.788.903.364	-	-	-	-	-
Lãi (lỗ) trong liên doanh, liên kết	19.386.924.266	-	-	17.293.534.773	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

**2.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp)**

	31/03/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>(*) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>257.226.278.951</b>			<b>291.132.103.291</b>	<b>81.197.121.600</b>	
Công ty Cổ phần sữa Đà Lạt	4.257.100.000,00					
Công ty Cổ phần Thức ăn chăn nuôi Trung Ương	17.609.383.826,00					
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Chế biến XNK	4.685.428.501,00					
Công ty CP Lâm Nghiệp Thống Nhất	95.000.000.000		-	95.000.000.000		
Tổng Công ty chăn nuôi Việt Nam – CTCP				67.218.566.491	81.197.121.600	
Công ty CP chè Thái nguyên	177.000.000,00		-	177.000.000,00		
Công ty cổ phần chè Hà tĩnh	364.672.800,00			364.672.800,00		
Công ty CP Granite Phú Yên	30.600.000.000		-	30.600.000.000		-
Công ty CPKD Thái Bình Dương	140.000.000,00			140.000.000,00		
Vườn Quốc Gia Ba Vì	79.580.000,00					
Công ty CP NLN Châu Giang	18.000.000.000		-	18.000.000.000		-
Công ty Cổ phần Nông Hải Sản Sài Gòn	4.098.734.693,00					
Công ty Cổ phần ĐTPT&XNK Gia cầm	2.616.885.131,00					
Công ty TNHH Thống Nhất	79.500.000.000		-	79.500.000.000		-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Mộc Châu	45.210.000,00					
Các khoản đầu tư khác	52.284.000,00		-	131.864.000,00		-

(\*) Theo qui định tại Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty chỉ đánh giá được những khoản đầu tư đối với Công ty niêm yết tại thời điểm 31/03/2017. Đối với các Công ty chưa thực hiện niêm yết, Công ty chưa xác định được định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

**3. Phải thu của khách hàng**

	<u>31/03/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	136.352.509.401	183.108.613.547
Phải thu của khách hàng dài hạn	4.932.176.006	4.932.176.006
<b>Cộng</b>	<b><u>141.284.685.407</u></b>	<b><u>188.040.789.553</u></b>

**Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>31/03/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Trả trước cho người bán ngắn hạn	85.565.344.374	38.330.738.899
Trả trước tiền mua cổ phần (*)		1.266.387.080.000
<b>Cộng</b>	<b><u>85.565.344.374</u></b>	<b><u>1.304.717.818.899</u></b>

(\*) Khoản trả trước cho người bán tại 01/01/2017 là khoản ứng trước cho các cá nhân để mua cổ phần của Tổng công ty chăn nuôi – Vilico nhằm mục đích nâng tỷ lệ sở hữu lên 65% theo Nghị quyết HĐQT số 29/2016/NQ/HĐQT ngày 23/11/2016 và đã được chuyển thành khoản đầu tư công ty con trong kỳ.

**4. Phải thu khác**

	<u>31/03/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>174.613.622.598</b>	<b>132.592.413.463</b>
Phải thu về cổ phần hoá	2.062.352.314	-
PT về tiền lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	17.620.444.022	3.362.380.174
Phải thu tiền bán cổ phần	15.000.000.000	15.000.000.000
Phải thu tiền ủy thác đầu tư	-	-
Ký cược, ký quỹ	1.593.408.998	9.250.755.927
Tạm ứng	29.244.107.666	31.583.572.851
Phải thu khác	109.093.309.598	73.395.704.511
<b>Dài hạn</b>	<b>6.997.605.840</b>	<b>30.030.000.000</b>
<b>Cộng</b>	<b><u>181.611.228.438</u></b>	<b><u>162.622.413.463</u></b>

**5. Hàng tồn kho**

	<u>31/03/2017</u>		<u>01/01/2017</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường				
Nguyên liệu, vật liệu	186.586.810.722		26.531.401.788	-
Công cụ, dụng cụ	5.064.148.465		2.787.850.581	-
Chi phí SX, KD dở dang	40.616.197.020		10.884.766.930	-
Thành phẩm	183.074.148.894		23.548.673.025	-
Hàng hóa	22.415.967.170		10.598.908.346	-
Hàng gửi bán			10.468.361	
<b>Cộng</b>	<b><u>437.757.272.271</u></b>		<b><u>74.362.069.031</u></b>	<b><u>-</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

**6. Chi phí trả trước**

	<u>31/03/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.827.523.930</b>	<b>831.165.497</b>
Chi phí trả trước về bảo hiểm	13.211.608	
Công cụ, dụng cụ phân bổ	2.705.893.903	600.602.063
Các khoản khác	108.418.419	230.563.434
<b>Dài hạn</b>	<b>33.567.964.581</b>	<b>8.986.235.492</b>
Chi phí nội thất văn phòng làm việc	52.548.545	3.460.103.659
Tiền thuê đất	286.286.361	
Công cụ, dụng cụ phân bổ	6.494.357.488	1.275.551.226
Các khoản khác	26.734.772.187	4.250.580.607

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo*

**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

**7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu kỳ	217.752.177.161	162.606.862.599	20.296.005.982	1.852.242.586	16.065.190.694	418.572.479.022
Tăng trong kỳ	274.339.374.564	468.345.369.109	62.144.223.896	531.462.024	94.914.950.299	900.275.379.892
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	3.987.956.933	3.987.956.933
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>492.091.551.725</b>	<b>630.952.231.708</b>	<b>82.440.229.878</b>	<b>2.383.704.610</b>	<b>106.992.184.060</b>	<b>1.314.859.901.981</b>
<b>Giá trị mòn lũy kế</b>						
Số đầu kỳ	118.328.492.172	59.649.161.168	10.707.226.209	1.070.967.700	12.733.708.983	202.489.556.232
Tăng trong kỳ	171.134.118.059	373.374.833.304	37.768.477.782	497.945.055	40.438.482.663	623.213.856.863
Khấu hao trong kỳ	7.623.660.559	14.601.768.459	2.554.954.793	28.000.301	4.399.740.082	29.208.124.194
Tăng khác	163.510.457.500	358.773.064.845	35.213.522.989	469.944.754	36.038.742.581	594.005.732.669
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	2.021.211.542	2.021.211.542
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>289.462.610.231</b>	<b>433.023.994.472</b>	<b>48.475.703.991</b>	<b>1.568.912.755</b>	<b>51.150.980.104</b>	<b>823.682.201.553</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu kỳ	99.423.684.989	102.957.701.431	9.588.779.773	781.274.886	3.331.481.711	216.082.922.789
Số cuối kỳ	202.628.941.494	197.928.237.236	33.964.525.887	814.791.855	55.841.203.956	491.177.700.428

**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

**8. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Phần mềm</b>	<b>TSCĐ khác</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu kỳ		623.472.300	591.996.826	1.215.469.126
Tăng trong kỳ	28.297.646.455			28.652.346.455
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>28.297.646.455</b>	<b>623.472.300</b>	<b>591.996.826</b>	<b>29.513.115.581</b>
<b>Giá trị mòn lũy kế</b>				
Số đầu kỳ	-	327.457.617	466.334.109	793.791.726
Tăng trong kỳ	-	11.041.668	10.284.999	21.326.667
Khấu hao trong kỳ	-	11.041.668	10.284.999	21.326.667
Tăng do hợp nhất	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>338.499.285</b>	<b>476.619.108</b>	<b>815.118.393</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu kỳ	-	296.014.683	125.662.717	421.677.400
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>28.297.646.455</b>	<b>284.973.015</b>	<b>115.377.718</b>	<b>28.697.997.188</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

**9. Vay và nợ thuê tài chính****9.1 Vay ngắn hạn và dài hạn**

	31/03/2017		Trong kỳ		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	51.154.895.489	51.154.895.489	97.115.355.805	72.799.908.600	75.470.342.694	75.470.342.694
Vay dài hạn	97.369.074.609	97.369.074.609	2.750.000.000	95.000.000.000	5.119.074.609	5.119.074.609
<b>Cộng</b>	<b>148.523.970.098</b>	<b>148.523.970.098</b>	<b>99.865.355.805</b>	<b>167.799.908.600</b>	<b>80.589.417.303</b>	<b>80.589.417.303</b>

**9.2 Các khoản nợ thuê tài chính**

Thời hạn	Năm nay			Năm trước		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Vay ngắn hạn từ 1 năm trở xuống	-	-	-	-	-	-
Trên 1 năm đến 5 năm	-	-	-	-	-	-
Trên 5 năm	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**9.3 Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán**

	31/03/2017		01/01/2017	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
Vay	-	-	-	-
Nợ thuê tài chính	-	-	-	-
Lý do chưa thanh toán	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

**10. Phải trả người bán**

	<u>31/03/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	160.583.058.560	81.343.559.891
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>160.583.058.560</u></b>	<b><u>81.343.559.891</u></b>
Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
<b>Cộng</b>		
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>		

**11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>31/03/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Thuế giá trị gia tăng	11.955.541.369	8.111.662.315
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.793.571.002	4.791.923.139
Thuế thu nhập cá nhân	274.116.857	666.410.823
Thuế tài nguyên	4.089.107	2.203.248
Thuế nhà đất và tài nguyên đất	1.193.414.759	1.918.663.800
Các loại thuế khác	1.232.746.685	-
Các khoản phí, lệ phí và các phải nộp khác	5.586.065	1.829.292.323
<b>Cộng</b>	<b><u>23.459.065.844</u></b>	<b><u>17.404.627.086</u></b>

**12. Chi phí phải trả**

	<u>31/03/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
<b>Ngắn hạn</b>	<b><u>9.076.050.422</u></b>	<b><u>3.328.994.006</u></b>
Chi phí đi vay		2.261.014.515
Các khoản khác	9.076.050.422	1.067.979.491
<b>Dài hạn</b>		-
Chi phí thành lập doanh nghiệp	-	-
Các khoản khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>9.076.050.422</u></b>	<b><u>3.328.994.006</u></b>

**13. Phải trả khác**

	<u>31/03/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
<b>Ngắn hạn</b>	<b><u>81.044.577.348</u></b>	<b><u>90.749.684.242</u></b>
Kinh phí công đoàn	589.799.494	379.482.873
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, thất nghiệp	6.447.746.629	204.860.485
Phải trả về cổ phần hóa và phải trả khác	214.200.000	56.672.540.730
Các khoản phải trả, phải nộp khác	73.792.831.225	33.492.800.154
<b>Dài hạn</b>	<b><u>3.324.840.000</u></b>	<b><u>51.000.000</u></b>
<b>Cộng</b>	<b><u>84.369.417.348</u></b>	<b><u>90.800.684.242</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

**14. Vốn chủ sở hữu**

Tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	748.000.000.000		683.081.038	221.299.709	101.951.485.611	850.855.866.358
Tăng trong năm		-				
Tăng vốn trong năm	1.752.000.000.000	245.042.505.974			-	1.997.042.505.974
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	15.961.629.305	15.961.629.305
Lợi nhuận trong năm		-				
Tăng khác do hợp nhất	-		514.494.741	26.373.840		540.868.581
Chia cổ tức	-	-	-	-		
Giảm do hợp nhất					(96.689.608.649)	(96.689.608.649)
Số dư đầu năm nay	2.500.000.000.000	245.042.505.974	1.197.575.779	247.673.549	21.223.506.267	2.767.711.261.569
Tăng trong kỳ	-	-	964.317.582	2.315	18.303.683.839	19.268.003.736
Tăng vốn trong kỳ						
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	18.303.683.839	18.303.683.839
Tăng do hợp nhất	-	-	964.317.582	2.315	-	964.319.897
Tăng khác						
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	13.707.066.414	13.707.066.414
Giảm do hợp nhất	-	-	-	-	13.707.066.414	13.707.066.414
Số cuối kỳ	2.500.000.000.000	245.042.505.974	2.161.893.361	247.675.864	25.820.123.692	2.773.272.198.891

**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

<b>Cổ phiếu</b>	<b>31/03/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	250.000.000	250.000.000
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	250.000.000	250.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	250.000.000	250.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	250.000.000	250.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	250.000.000	250.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Quý I</b>		<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này</b>	
	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2016</b>
Tổng doanh thu	1.147.826.024.228	745.682.710.422	1.147.826.024.228	745.682.710.422
Doanh thu bán hàng	1.147.826.024.228	744.483.584.045	1.147.826.024.228	744.483.584.045
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	1.199.126.377	-	1.199.126.377
Các khoản giảm trừ DT	16.123.438.944	302.090	16.123.438.944	302.090

**2. Giá vốn hàng bán**

	<b>Quý I</b>		<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này</b>	
	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2016</b>
Giá vốn hàng bán	1.006.523.192.232	726.030.967.244	1.006.523.192.232	726.030.967.244
Giá vốn dịch vụ	-	-	-	-
Giá vốn xây dựng	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.006.523.192.232</b>	<b>726.030.967.244</b>	<b>1.006.523.192.232</b>	<b>726.030.967.244</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Quý I</b>		<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này</b>	
	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2016</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	28.415.866.152	1.132.168.222	28.415.866.152	1.132.168.222
Lãi bán các khoản đầu tư		2.068.150.931		2.068.150.931
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.549.799		6.549.799	
Lãi chênh lệch tỷ giá	55.248.052	270.320	55.248.052	270.320
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	1.806.284.530		1.806.284.530	
Lãi BH trả chậm, CK thanh toán				
Doanh thu tài chính khác	29.000.000.000		29.000.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>59.283.948.533</b>	<b>3.200.589.473</b>	<b>59.283.948.533</b>	<b>3.200.589.473</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

**4. Chi phí tài chính**

	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
Lãi tiền vay	267.325.575	809.509.233	267.325.575	809.509.233
Lỗ bán các khoản đầu tư	-	-	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	69.331	51.424.370	69.331	51.424.370
Chi phí tài chính khác		913.817.244		913.817.244
Dự phòng giảm giá chứng khoáng KD và tổn thất đầu tư				
Các khoản giảm chi phí tài chính	23.081.051.370		23.081.051.370	
<b>Cộng</b>	<b>23.348.446.276</b>	<b>1.774.750.847</b>	<b>23.348.446.276</b>	<b>1.774.750.847</b>

**5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	65.351.070.241	13.852.114.879	65.351.070.241	13.852.114.879
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	41.403.807.379	3.102.243.478	41.403.807.379	3.102.243.478
<b>Cộng</b>	<b>106.754.877.620</b>	<b>16.954.358.357</b>	<b>106.754.877.620</b>	<b>16.954.358.357</b>

**6. Thu nhập khác**

	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	786.348.000	1.650.000.000	786.348.000	1.650.000.000
Thanh lý, nhượng bán vật tư, thành phẩm	1.233.886.500		1.233.886.500	
Lãi do đánh giá lại tài sản				
Tiền phạt thu được				
Thuế được giảm				
Các khoản khác	3.875.070.093	1.062.736.716	3.875.070.093	1.062.736.716
<b>Cộng</b>	<b>5.895.304.593</b>	<b>2.712.736.716</b>	<b>5.895.304.593</b>	<b>2.712.736.716</b>

**7. Chi phí khác**

	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.966.745.391	748.129.983	1.966.745.391	748.129.983
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán vật tư	1.203.656.641		1.203.656.641	
Lỗ do đánh giá lại tài sản				
Các khoản bị phạt	54.602.791	1.890.402.815	54.602.791	1.890.402.815
Các khoản khác	972.637.025	220.374.794	972.637.025	220.374.794
<b>Cộng</b>	<b>4.197.641.848</b>	<b>2.858.907.592</b>	<b>4.197.641.848</b>	<b>2.858.907.592</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

**8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.276.103.461	5.920.531.510	4.276.103.461	5.920.531.510
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<b>4.276.103.461</b>	<b>5.920.531.510</b>	<b>4.276.103.461</b>	<b>5.920.531.510</b>

**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận kế toán sau thuế	18.303.683.839	3.542.101.230	18.303.683.839	3.542.101.230
Các điều chỉnh để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		(270.840.559)		(270.840.559)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	18.303.683.839	3.812.941.789	18.303.683.839	3.812.941.789
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	250.000.000	150.000.000	250.000.000	150.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<b>73,21</b>	<b>25,42</b>	<b>73,21</b>	<b>25,42</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Thông tin các bên liên quan****Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

*Các bên liên quan trong kỳ tài chính với Công ty bao gồm:*

**Các bên liên quan**

Công ty cổ phần Sản xuất Tre Công nghiệp Mộc Châu  
CN Tổng công ty Chè Việt Nam-Công ty CP tại Sơn La  
Tổng công ty Chè Việt Nam - Công ty CP

**Mối quan hệ**

Công ty con  
Chi nhánh của công ty con  
Công ty con

**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

---

**2. Báo cáo bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

***Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh***

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 4 bộ phận theo lĩnh vực hoạt động kinh doanh: nông sản, phân bón, sản phẩm chè, sản phẩm nhựa. Công ty lập Báo cáo bộ phận theo các bộ phận kinh doanh này

**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

Thông tin về tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Nông Sản	Sản phẩm Chè	Sản phẩm Nhựa	Sản phẩm Chăn nuôi	Mặt hàng khác	Cộng
<b>KẾT QUẢ KINH DOANH</b>						
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	399.632.902.656	60.150.746.646	7.904.161.616	662.465.132.420	1.549.641.946	1.131.702.585.284
Khấu hao và chi phí phân bổ	(399.182.758.346)	(58.999.982.183)	(5.748.336.927)	(541.461.075.149)	(1.131.039.627)	(1.006.523.192.232)
<b>Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>450.144.310</b>	<b>1.150.764.463</b>	<b>2.155.824.689</b>	<b>121.004.057.271</b>	<b>418.602.319</b>	<b>125.179.393.052</b>
Chi phí không phân bổ						(106.754.877.620)
Doanh thu tài chính						59.283.948.533
Chi phí tài chính						(23.348.446.276)
Thu nhập khác						5.895.304.593
Chi phí khác						(4.197.641.848)
Phần lãi (lỗ) trong Cty liên doanh liên kết						1.784.519.033
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>						<b>57.842.199.467</b>
Chi phí thuế						4.276.103.461
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>						<b>53.566.096.006</b>
<b>TÀI SẢN</b>						
Tài sản bộ phận	29.256.546.091	56.789.884.296	19.427.373.759	27.539.081.704	32.596.169.642	136.352.509.401
Tài sản không phân bổ						3.929.350.877.305
<b>Tổng tài sản</b>						<b>4.065.703.386.706</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>						
Nợ phải trả bộ phận	19.030.917.012	43.741.827.436	834.825.534	98.703.478.419	17.302.927.171	160.583.058.560
Nợ phải trả không phân bổ						344.194.154.350
<b>Tổng nợ phải trả</b>						<b>504.777.212.910</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

#### Bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu diễn ra tại Hà Nội

### 3. Công cụ tài chính

#### Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

#### Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

#### Các loại công cụ tài chính

	Giá trị sổ sách	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	613.271.908.710	610.572.592.544
Đầu tư ngắn hạn	668.864.398.005	30.262.808.598
Đầu tư dài hạn	595.373.559.145	594.712.100.699
Phải thu khách hàng và phải thu khác	322.895.913.845	348.795.283.457
<b>Cộng</b>	<b>2.200.405.779.705</b>	<b>1.584.342.785.298</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Các khoản vay	80.589.417.303	148.523.970.098
Phải trả người bán và phải trả khác	244.952.475.908	172.144.244.133
Chi phí phải trả	9.076.050.422	3.328.994.006
<b>Cộng</b>	<b>334.617.943.633</b>	<b>323.997.208.237</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

#### Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

#### ***Rủi ro thị trường***

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do hoạt động kinh doanh đồ gia dụng, các hoạt động xây dựng và khai thác khoáng sản ở trong nước (Khu vực phía Bắc) được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

#### **Quản lý rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

#### **Quản lý rủi ro về giá của cổ phiếu**

Rủi ro về giá của cổ phiếu là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của các cổ phiếu sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

#### ***Rủi ro về giá cổ phiếu***

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư. Hội đồng quản trị và Ban Chủ tịch HĐQT của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành, nghề kinh doanh, công ty đầu tư,.. Theo tình hình thị trường hiện nay, Công ty đánh giá giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

#### ***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn, các khoản cho vay ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng,..).

#### **Phải thu khách hàng**

Hoạt động kinh doanh của Công ty hiện nay chủ yếu được chia làm 3 hoạt động chính: lĩnh vực thương mại (mua bán đồ gia dụng): chủ yếu thu tiền ngay; hoạt động xây dựng và khai thác khoáng sản: Công ty thực hiện giao thầu thi công, khai thác cho đơn vị bên ngoài do đó công nợ phải thu khách hàng tương ứng với công nợ phải trả nhà thầu, đơn vị khai thác bên ngoài, điều kiện thanh toán theo tiến độ công việc hoàn thành. Công ty tin tưởng rằng không có rủi ro tín dụng trọng yếu đối với khoản phải thu khách hàng.

#### **Các khoản cho vay ngắn hạn**

Công ty cho các cá nhân vay, mượn tiền trong vòng 1 năm với lãi suất 10,5%/năm. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các cá nhân có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### ***Rủi ro thanh khoản***

**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**Nợ phải trả tài chính**

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm đến 5 năm	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>			
Các khoản vay	75.470.342.694	5.119.074.609	80.589.417.303
Phải trả người bán và phải trả khác	241.627.635.908	3.324.840.000	244.952.475.908
Chi phí trả trước	9.076.050.422		9.076.050.422
<b>Cộng</b>	<b>326.174.029.024</b>	<b>8.443.914.609</b>	<b>334.617.943.633</b>
<b>Số đầu kỳ</b>			
Các khoản vay	51.154.895.489	97.369.074.609	148.523.970.098
Phải trả người bán và phải trả khác	172.093.244.133	51.000.000	172.144.244.133
Chi phí phải trả	3.328.994.006		3.328.994.006
<b>Cộng</b>	<b>226.577.133.628</b>	<b>97.420.074.609</b>	<b>323.997.208.237</b>

**Tài sản tài chính**

<b>Số cuối kỳ</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	613.271.908.710		613.271.908.710
Đầu tư ngắn hạn	671.164.398.005		671.164.398.005
Đầu tư dài hạn		588.375.953.305	588.375.953.305
Phải thu khách hàng và phải thu khác	310.966.131.999	11.929.781.846	322.895.913.845
<b>Cộng</b>	<b>1.595.402.438.714</b>	<b>600.305.735.151</b>	<b>2.195.708.173.865</b>
<b>Số đầu kỳ</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	416.449.029.291		416.449.029.291
Đầu tư ngắn hạn	74.810.227.391		74.810.227.391
Đầu tư dài hạn	-	413.811.749.592	413.811.749.592
Phải thu khách hàng, phải thu khác	435.208.038.914	6.908.681.864	442.116.720.778
<b>Cộng</b>	<b>926.467.295.596</b>	<b>420.720.431.456</b>	<b>1.347.187.727.052</b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

Ban Chủ tịch HĐQT đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Chủ tịch HĐQT tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

**4. Thông tin so sánh**

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

Thành phố Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2017



**TẠ VĂN QUYỀN**  
Chủ tịch HĐQT

**HOÀNG MẠNH CƯỜNG**  
Kế toán trưởng

**NGUYỄN THỊ THU HUYỀN**  
Người lập biểu